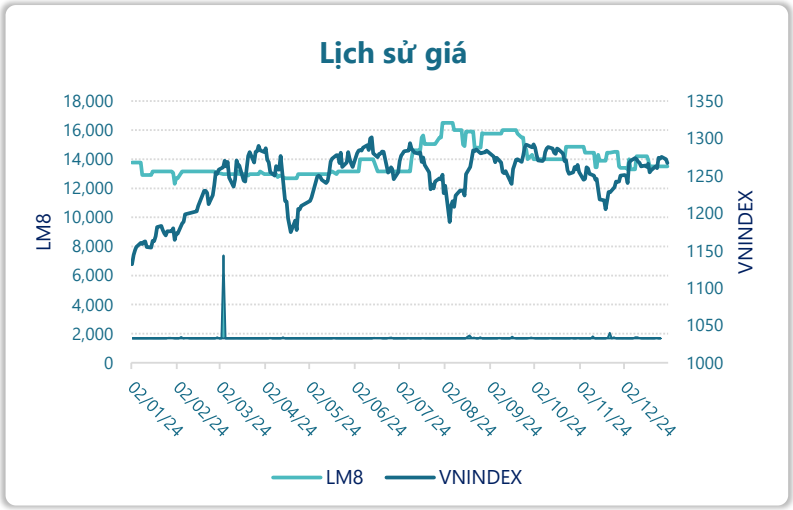
FireAnt

CTCP Lilama 18 (HSX: LM8)



Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**13,500**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	16,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	12,306
SL cổ phiếu LH	9,388,682
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,325
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	127
P/E	7.7
EPS	1,745

DT thuần

Q4/24

466

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 47.0| 11.3%

YoY: ▲ 62.0| 15.5%

LN sau thuế

Q4/24

5.06

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.13| 28.7%

YoY: ▼0.06| -1.2%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

3.3%

+/- YoY: ▼ 1.8%

DT thuần

2024

1,546

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 217| 16.3%

LN sau thuế

2024

16.4

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 4.60| 38.5%

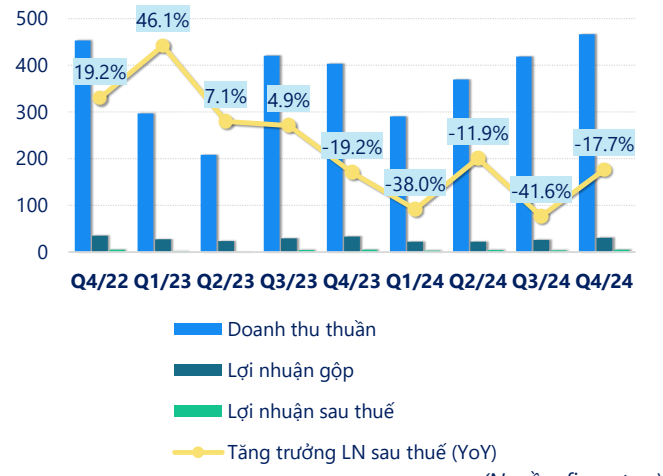
ROE

2024

5.5%

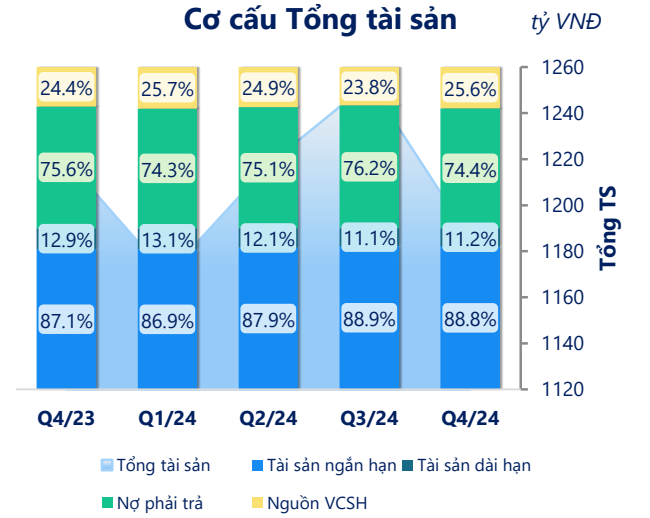
+/- YoY: ▲ 1.5%

Kết quả kinh doanh



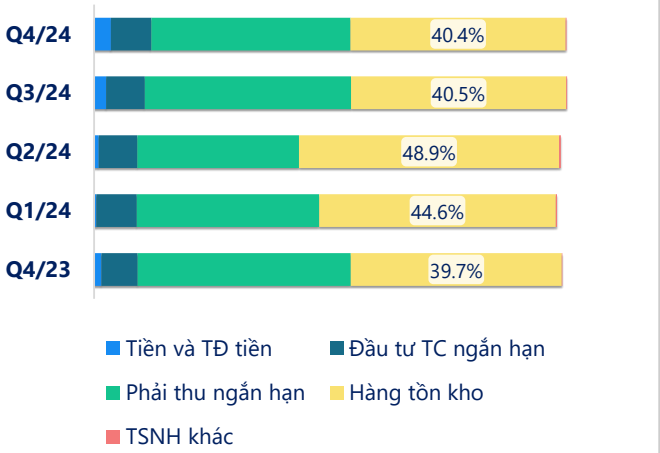
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



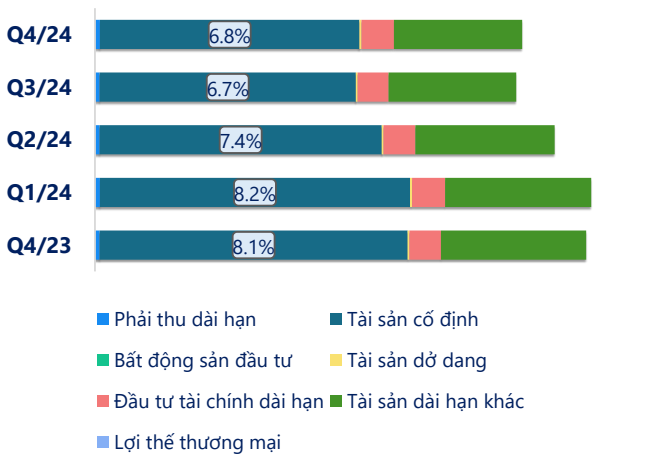
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



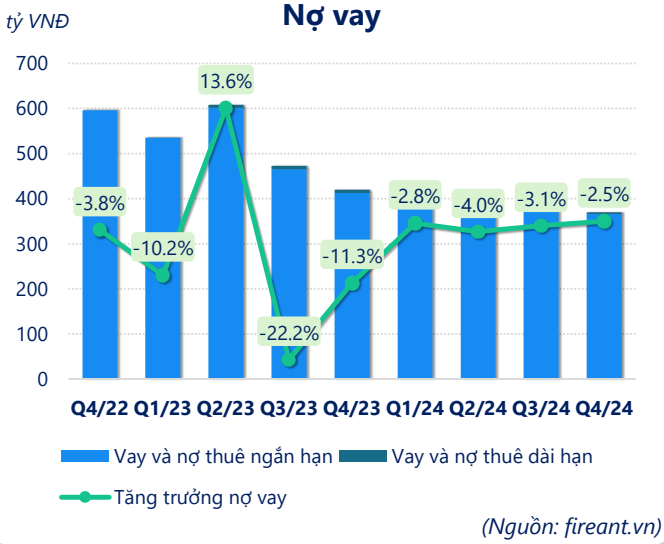
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



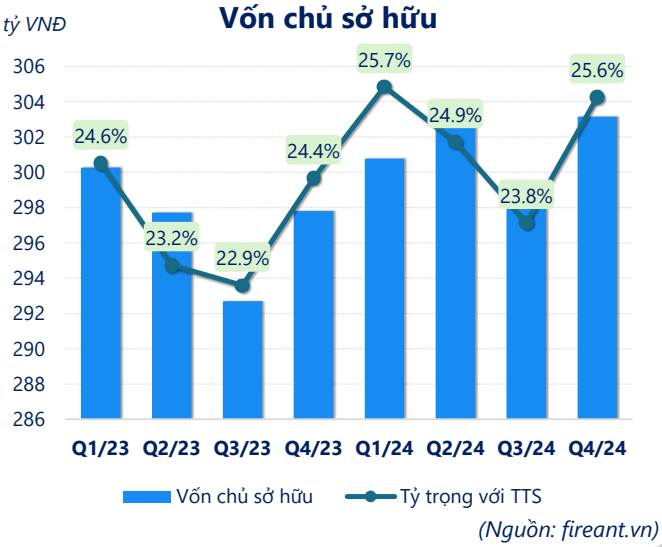
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



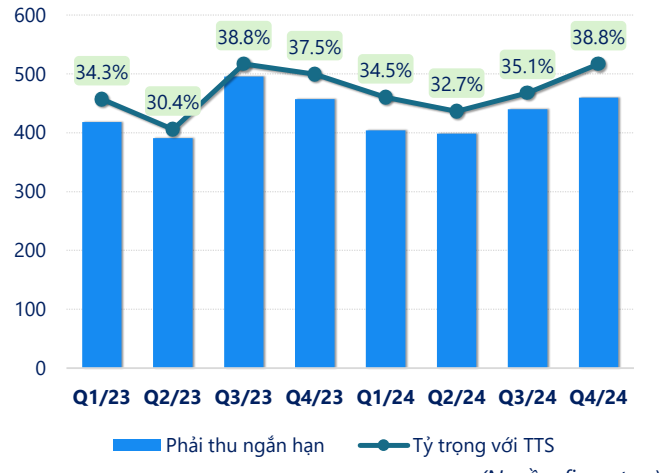
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



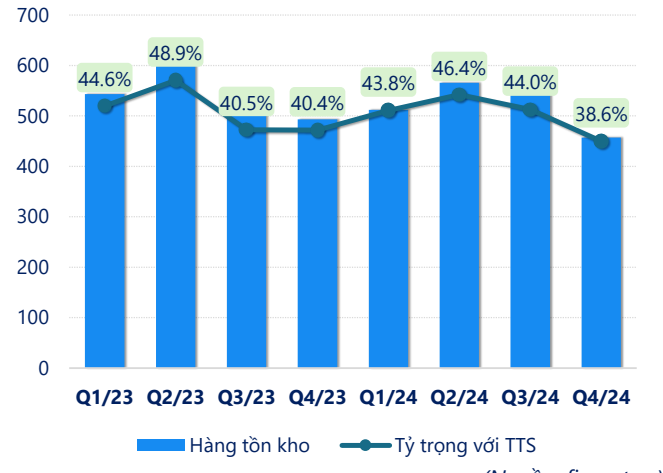
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



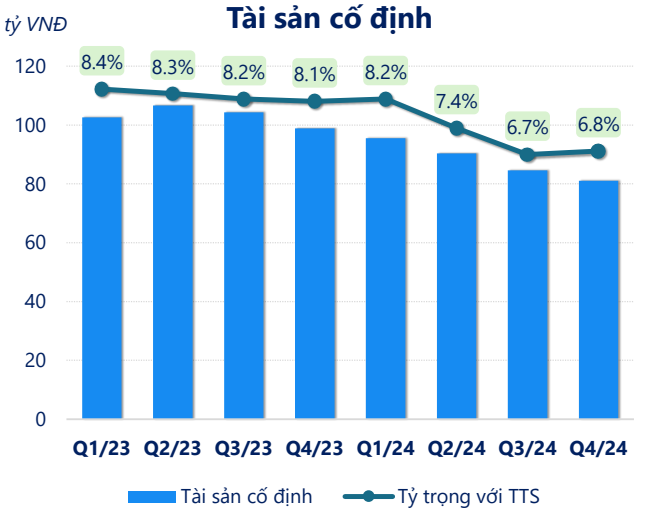
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



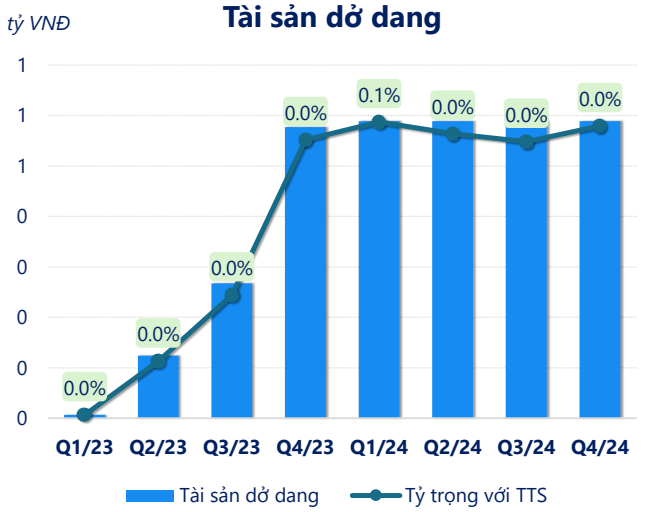
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



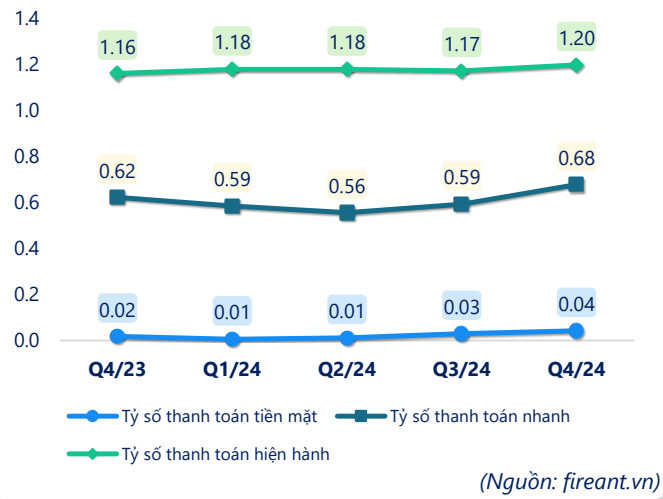
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



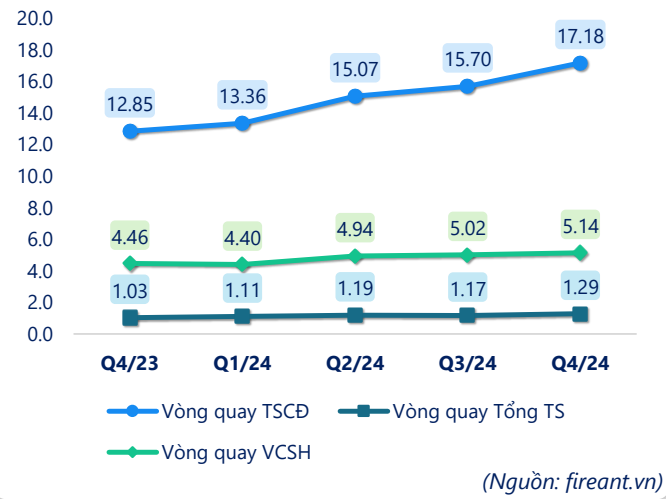
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**1,220**	**1,170**	**1,218**	**1,253**	**1,186**
Tài sản ngắn hạn	**1,062**	**1,017**	**1,070**	**1,114**	**1,052**
Tiền và tương đương tiền	16.4	4.68	10.8	28.5	37.1
Đầu tư tài chính ngắn hạn	93.0	93.0	93.0	93.0	93.0
Phải thu ngắn hạn	457	404	398	440	459
Hàng tồn kho	493	512	565	551	457
Tài sản ngắn hạn khác	2.15	3.08	2.72	2.14	5.55
Tài sản dài hạn	**158**	**153**	**147**	**139**	**133**
Phải thu dài hạn	1.52	1.52	1.52	1.52	1.52
Tài sản cố định	98.8	95.5	90.4	84.6	81.1
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.58	0.59	0.59	0.59	0.59
Đầu tư tài chính dài hạn	10.2	10.2	10.2	10.2	10.2
Tài sản dài hạn khác	46.6	45.0	44.6	42.1	40.0
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**922**	**869**	**914**	**955**	**883**
Nợ ngắn hạn	**915**	**863**	**908**	**950**	**878**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	413	402	386	374	365
Phải trả người bán ngắn hạn	164	146	169	176	171
Nợ dài hạn	7.14	6.42	5.69	4.96	4.23
Vay và nợ thuê dài hạn	7.14	6.42	5.69	4.96	4.23
Nguồn vốn chủ sở hữu	**298**	**301**	**304**	**298**	**303**
Vốn chủ sở hữu	**298**	**301**	**304**	**298**	**303**
Vốn điều lệ	93.9	93.9	93.9	93.9	93.9
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)